

**Học phần: An ninh mạng viễn thông**

Nhóm: TEL1401-05

**Số tín chỉ:** 3**Ngày thi: 7/6/2016****Giờ thi: 10h00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:					10	20		10	60		
1	B12DCVT095	Đinh Hoàng	An	D12CQVT03-B	9,0	8,0		8,0	4,5	6,0	Vắng
2	B12DCVT293	Hoàng Thị Ngọc	Anh	D12CQVT07-B	9,0	9,0		8,0	7,5	8,0	
3	B12DCVT048	Lê Văn Tuấn	Anh	D12CQVT02-B	9,0	6,0		7,0	1,0	3,4	
4	B12DCVT003	Nguyễn Quang	Anh	D12CQVT01-B	9,0	7,0		7,0	4,0	5,4	
5	B13LDVT003	Trần Hữu	Chung	L13CQVT01-B	7,0	5,0		5,0	0,0	2,2	
6	B12DCVT246	Nguyễn Văn	Cương	D12CQVT06-B	8,0	8,0		8,0	5,5	6,5	
7	B12DCVT052	Nguyễn Ngọc Hải	Đặng	D12CQVT02-B	9,0	7,0		7,0	4,0	5,4	
8	B12DCVT196	Nguyễn Văn	Đạt	D12CQVT05-B	7,0	7,0		7,0	5,5	6,1	
9	B12DCVT250	Phan Trọng	Đức	D12CQVT06-B	9,0	8,0		8,0	2,5	4,8	
10	B12DCVT252	Thân Văn	Dũng	D12CQVT06-B	9,0	7,0		7,0	2,5	4,5	
11	B12DCVT253	Nguyễn Hải	Duy	D12CQVT06-B	9,0	8,0		8,0	8,5	8,4	
12	B12DCVT254	Nguyễn Trường	Giang	D12CQVT06-B	9,0	7,0		7,0	7,0	7,2	
13	B12DCVT055	Đinh Văn	Giáp	D12CQVT02-B	9,0	7,0		7,0	4,5	5,7	
14	B12DCVT009	Kiều Duy	Giáp	D12CQVT01-B	8,0	7,0		6,0	2,0	4,0	
15	B12DCVT257	Nguyễn Thị	Hằng	D12CQVT06-B	9,0	7,0		8,0	5,0	6,1	
16	B12DCVT057	Phạm Văn	Hào	D12CQVT02-B	9,0	7,0		8,0	3,0	4,9	
17	B12DCVT058	Trần Minh	Hiền	D12CQVT02-B	9,0	8,0		7,0	9,0	8,6	
18	B112101167	Vũ Sỹ	Hiệp	D12CQVT04-B	7,0	7,0		7,0	3,0	4,6	
19	B12DCVT062	Phạm Đình	Hoàng	D12CQVT02-B	9,0	7,0		8,0	3,5	5,2	
20	B12DCVT013	Thân Đức	Hoàng	D12CQVT01-B	9,0	6,0		6,0	2,0	3,9	
21	B12DCVT162	Vũ Việt	Hoàng	D12CQVT04-B	10,0	9,0		9,0	6,5	7,6	
22	B12DCVT114	Nguyễn Minh	Hùng	D12CQVT03-B	9,0	8,0		8,0	2,0	4,5	
23	B12DCVT064	Trần Thị	Hương	D12CQVT02-B	9,0	7,0		7,0	6,5	6,9	
24	B12DCVT065	Đặng Ngọc	Huy	D12CQVT02-B	9,0	7,0		7,0	8,0	7,8	
25	B12DCVT066	Đặng Quang	Huy	D12CQVT02-B	9,0	6,0		7,0	3,0	4,6	
26	B12DCVT165	Kiều Văn	Huy	D12CQVT04-B	9,0	7,0		7,0	2,0	4,2	
27	B12DCVT019	Nguyễn Quang	Huy	D12CQVT01-B	9,0	7,0		7,0	5,5	6,3	
28	B12DCVT020	Phạm Quốc	Huy	D12CQVT01-B	9,0	7,0		7,0	8,0	7,8	
29	B12DCVT210	Phùng Thị Ngọc	Huyền	D12CQVT05-B	9,0	7,0		8,0	3,0	4,9	
30	B12DCVT261	Nguyễn Văn	Khoa	D12CQVT06-B	8,0	7,0		7,0	4,0	5,3	
31	B12DCVT166	Nguyễn Đăng	Kiên	D12CQVT04-B	9,0	9,0		9,0	7,5	8,1	
32	B12DCVT167	Phạm Quốc	Lâm	D12CQVT04-B	9,0	7,0		8,0	7,5	7,6	
33	B112101276	Vũ Đức	Long	D12CQVT05-B	9,0	7,0		7,0	7,0	7,2	
34	B12DCVT023	Trần Đức	Mạnh	D12CQVT01-B	9,0	7,0		7,0	7,0	7,2	
35	B12DCVT075	Điền Trung	Nhi	D12CQVT02-B	9,0	7,0		7,0	6,0	6,6	
36	B12DCVT324	Lê Hồng	Nhung	D12CQVT07-B	8,0	7,0		8,0	7,0	7,2	
37	B12DCVT127	Trần Hồng	Phúc	D12CQVT03-B	9,0	7,0		7,0	8,0	7,8	
38	B12DCVT076	Đỗ Đăng	Quân	D12CQVT02-B	9,0	6,0		7,0	7,5	7,3	

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:					10	20		10	60		
39	B12DCVT274	Phạm Hoàng	Quân	D12CQVT06-B	9,0	7,0		7,0	4,0	5,4	
40	B12DCVT330	Nguyễn Công	Quý	D12CQVT07-B	8,0	8,0		8,0	7,0	7,4	
41	B12DCVT028	Nguyễn Tiến	Quý	D12CQVT01-B	9,0	6,0		6,0	5,0	5,7	
42	B12DCVT177	Phạm Văn	Quý	D12CQVT04-B	9,0	8,0		9,0	6,5	7,3	
43	B12DCVT077	Hoàng Thị Như	Quỳnh	D12CQVT02-B	9,0	7,0		7,0	6,5	6,9	
44	B12DCVT078	Nguyễn Văn	Sơn	D12CQVT02-B	9,0	8,0		8,0	8,0	8,1	
45	B12DCVT276	Nguyễn Xuân	Sơn	D12CQVT06-B	9,0	7,0		7,0	6,5	6,9	
46	B12DCVT229	Đỗ Đăng	Thái	D12CQVT05-B	7,0	7,0		7,0	7,5	7,3	
47	B12DCVT279	Nguyễn Đức	Thắng	D12CQVT06-B	9,0	7,0		7,0	7,0	7,2	
48	B12DCVT231	Nguyễn Hữu	Thắng	D12CQVT05-B	9,0	7,0		7,0	8,0	7,8	
49	B12DCVT284	Trình Duy	Thông	D12CQVT06-B	9,0	7,0		7,0	7,0	7,2	
50	B12DCVT183	Trần Mạnh	Tiến	D12CQVT04-B	9,0	7,0		8,0	5,5	6,4	
51	B12DCVT338	Lương Bảo	Toàn	D12CQVT07-B	9,0	8,0		8,0	5,0	6,3	
52	B12DCVT087	Nguyễn Thị Thủy	Trang	D12CQVT02-B	9,0	7,0		7,0	4,0	5,4	
53	B12DCVT040	Vương Văn	Trường	D12CQVT01-B	9,0	6,0		6,0	3,0	4,5	
54	B12DCVT091	Nguyễn Quốc	Tú	D12CQVT02-B	9,0	7,0		8,0	8,0	7,9	
55	B12DCVT190	Trần Hữu	Tùng	D12CQVT04-B	8,0	9,0		9,0	5,0	6,5	
56	B12DCVT092	Trần Ngọc	Tùng	D12CQVT02-B	9,0	7,0		7,0	5,0	6,0	
57	B12DCVT093	Nguyễn Thị	Uyên	D12CQVT02-B	9,0	8,0		8,0	5,5	6,6	
58	B12DCVT191	Nguyễn Thị	Yên	D12CQVT04-B	9,0	8,0		8,0	6,5	7,2	
59	B112101190	Nguyễn Minh	Thắng	D11VT4	7,0	5,0		6,0	7,0	7,0	
60	B112101045	Nguyễn Đình	Trọng	D11VT1						0,0	Không đủ ĐKDT

**Ghi chú:**

- Số SV theo DS:	60	SV	- Số SV dự thi:	58	SV
- Số SV thi đạt:	56	SV	- Số SV vắng thi:	1	SV
- Số SV thi không đạt:	4	SV	- Số SV vắng thi có phép:	0	SV
- Số SV thi lại:	0	SV			

**CÁN BỘ KHỚP PHÁCH**

**SỐ 1**

**SỐ 2**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2016*

**TRƯỞNG TRUNG TÂM**

**Phạm Anh Tuấn**

**Nguyễn Hoa Cương**

**Nguyễn Xuân Trường**







